CHỨNG KHOÁN ALPHA

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

Ngày 19 tháng 08, 2025

Xem thêm

Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading

Đột biến khối lượng

- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá

STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	PXL	18/08/2025	19.9	3.132.400	880.997	3.56
2	DSE	18/08/2025	27.2	4.877.700	1.383.050	3.53
3	CRE	18/08/2025	11.3	3.038.400	896.950	3.39
4	SAM	18/08/2025	9.68	4.942.600	1.514.833	3.26
5	NDN	18/08/2025	12.9	2.520.000	993.317	2.54
6	HT1	18/08/2025	17.15	3.124.200	1.421.130	2.2
7	VIG	18/08/2025	8	2.420.100	1.111.063	2.18
8	C4G	18/08/2025	10.4	6.467.500	3.031.653	2.13
9	PDR	18/08/2025	25.65	54.449.600	26.243.876	2.07
10	VCG	18/08/2025	27.6	32.070.200	17.469.280	1.84
11	GMD	18/08/2025	63.3	6.959.100	3.801.670	1.83
12	PC1	18/08/2025	30.4	14.104.400	8.314.184	1.7
13	HHV	18/08/2025	15.75	30.827.400	18.752.780	1.64
14	HDG	18/08/2025	33.95	13.310.900	8.211.544	1.62
15	DCM	18/08/2025	43.35	11.605.200	7.178.290	1.62
16	IJC	18/08/2025	14.65	7.238.900	4.491.370	1.61
17	ACB	18/08/2025	27.05	28.477.800	17.851.574	1.6
18	NHA	18/08/2025	27.05	2.496.100	1.594.213	1.57
19	MBB	18/08/2025	27.8	51.031.700	33.610.648	1.52
20	HVN	18/08/2025	29.65	2.876.700	1.937.337	1.48
21	KDH	18/08/2025	37	9.990.700	6.789.100	1.47
22	DPM	18/08/2025	28.07	8.891.000	6.226.710	1.43
23	FCN	18/08/2025	19.7	7.258.600	5.212.924	1.39
24	KBC	18/08/2025	35.05	11.213.600	8.099.137	1.38
25	VDS	18/08/2025	20.85	7.295.300	5.396.267	1.35
26	API	18/08/2025	9.1	2363600	1801347	1.31
27	TPB	18/08/2025	20.15	50412200	38838164	1.3
28	NLG	18/08/2025	44.8	5381300	4280244	1.26
29	VGC	18/08/2025	65.7	3021700	2395063	1.26

- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	APH	18/08/2025	7.1	715.260	55.36	6.73	5.57	0.13	0.51
2	BCM	18/08/2025	70	736.250	54.7	67.15	4.24	1.18	0.06
3	CMG	18/08/2025	42.8	2.592.020	55.41	42.02	1.87	1.12	-1.25
4	CMX	18/08/2025	7.55	790.200	54.15	7.47	1.01	0.13	0.02
5	CSM	18/08/2025	13.9	1.182.680	56.07	13.41	3.63	0.11	0.07
6	DGC	18/08/2025	103.4	3.469.540	48.66	103.38	0.02	1.61	-2.99
7	DPR	18/08/2025	42.3	1.092.460	56.78	40.33	4.88	0.34	-0.37
8	DVM	18/08/2025	7.8	878.300	59.12	7.62	2.38	0.15	0.03
9	FTS	18/08/2025	40.6	8.396.180	47.62	38.65	5.04	0.46	-0.57
10	GAS	18/08/2025	70	1.539.400	60.29	66.51	5.25	0.79	-0.06
11	GIL	18/08/2025	19.1	1.655.700	46.92	18.36	4.02	0.3	0.01
12	GVR	18/08/2025	31.75	7.649.140	56.45	30	5.84	0.48	-0.43
13	HNG	18/08/2025	6.5	10.678.930	54.06	6.32	2.93	0.01	0.19
14	IDC	18/08/2025	44.1	4.294.990	71.46	42.07	4.82	1.14	-1.25
15	LAS	18/08/2025	20.1	2.104.270	46.66	19.15	4.98	0.08	-0.27
16	MSH	18/08/2025	36.95	902.700	43.98	35.17	5.07	0.07	0.28
17	PLX	18/08/2025	38.8	3.949.670	61.52	37.48	3.53	0.42	-0.19
18	PVD	18/08/2025	22.85	13.420.430	69.01	21.83	4.65	0.61	-0.78
19	PVT	18/08/2025	19.15	7.613.400	63.64	18.87	1.48	0.3	-0.48
20	QTP	18/08/2025	13.4	660.480	59.77	13.28	0.89	0.02	-0.16
21	TNG	18/08/2025	21.3	2.688.600	51.97	20.96	1.61	0.42	-0.4
22	TTA	18/08/2025	11.65	887.290	54.08	11.55	0.87	0.13	0.1
23	TVC	18/08/2025	9.7	542.960	54.51	9.32	4.09	0.15	0.01
24	VCB	18/08/2025	64.5	11.432.930	65.24	60.7	6.26	0.81	-0.52
25	VGT	18/08/2025	12.9	2.671.940	53.25	12.7	1.57	0.29	-0.08
26	VIP	18/08/2025	13.5	590.990	55.03	13	3.81	0.11	-0.12
27	VNM	18/08/2025	60.7	6.036.310	50.07	59.07	2.76	0.67	0
28	VOS	18/08/2025	15.9	5.163.040	53.97	15.21	4.52	0.21	-0.14
29	VPI	18/08/2025	57.5	2.151.580	68.48	55.75	3.13	0.67	-0.76

Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ACB	27.05	27.06	23.612.570
2	AGR	18.65	19.2	3047750
3	BSR	26	26	20.474.790
4	C4G	10.4	10.5	4.188.870
5	DCM	43.35	43.85	9297520
6	DXS	12.9	13	6.865.630
7	EIB	30.5	31.5	22.710.630
8	FCN	19.7	20	6.624.800
9	HAG	16.65	16.75	23.899.130
10	HAH	64.4	68.31	4.826.830
11	HDG	33.95	33.95	9.467.400
12	HHV	15.75	15.75	23.775.630
13	KBC	35.05	35.05	9.168.780
14	KDH	37	37.4	9.642.480
15	LCG	12.6	12.6	8.803.200
16	MBS	44.1	47	9.838.540
17	PC1	30.4	30.4	9.958.990
19	PET	38.6	40.15	3.652.990
20	SHB	18.85	19.4	109.395.208
21	TPB	20.15	20.55	57.775.528
22	VCG	27.6	28.25	20.343.960
23	VDS	20.85	21.8	6.239.690
24	VIX	37	37	49.297.488
25	VPB	32	32.8	50.127.048
26	VSC	36.2	36.2	20.186.580

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	BGE	6.2	5.9	2.309.780
2	GMD	63.3	61.2	5.360.540
3	IDC	44.1	44	4294990
4	IJC	14.65	14.6	5.454.290
5	KSB	20.4	20.4	5.020.400
6	NHA	27.05	26.7	1.938.180
7	NKG	17.2	16.9	22.387.370
8	ORS	13.75	13.6	12.436.090
9	PVT	19.15	19.1	7.613.400
10	VPI	57.5	56.6	2151580

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	HAX	14.5	13.8	5.469.280
2	DL1	7	6.8	1.808.180
3	VPL	81.6	80.1	317.750
4	AVG	14.4	14.2	101.490

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BHN	33.8	31.98	40.270
2	VPL	81.6	80.1	317.750

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

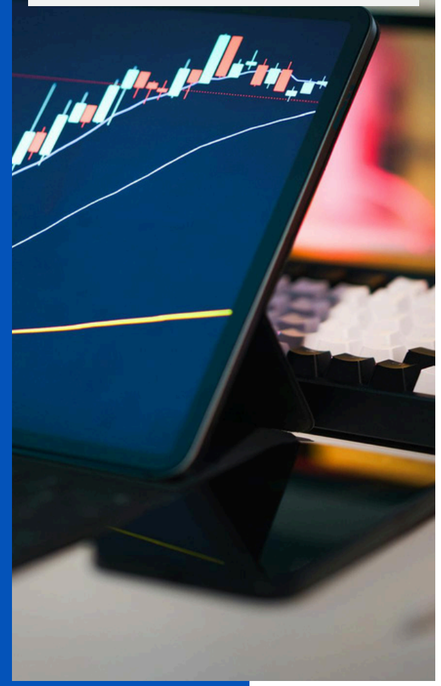

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	CMX	7.55	7.47	790.200
2	DDG	2.9	2.87	566.730
3	DFF	1.7	1.6	634730
4	PVT	19.15	18.87	7.613.400
5	QTP	13.4	13.28	660.480

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	DDG	2.9	2.86	566.730
2	DPR	42.3	41.15	1.092.460
3	DSE	27.2	25.61	1642840
4	FIT	5.2	5.17	2.785.310
5	PPC	11.2	11.15	1.323.440
7	TNH	17	16.31	597700
8	TVC	9.7	9.61	542960

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	TNH	17	16.54	597.700

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn

Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	FRT	138.3	141.69	746.110
2	VGI	77.2	78.41	1.580.820

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	API	9.1	9.14	1.782.160
2	APS	11.2	11.66	4.058.050
3	BCM	70	70.01	736250
4	DBC	29.45	30.2	12.307.410
5	LMH	0.9	0.96	838.560
7	VHC	58	58.31	2551720

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	AMV	2	2.15	1.965.930
2	ELC	22.75	22.97	1.427.790
3	LMH	0.9	0.97	838560
4	MSH	36.95	37.45	902.700
5	SAB	47.15	47.44	1.238.410
6	TCM	31.45	31.49	2.437.990

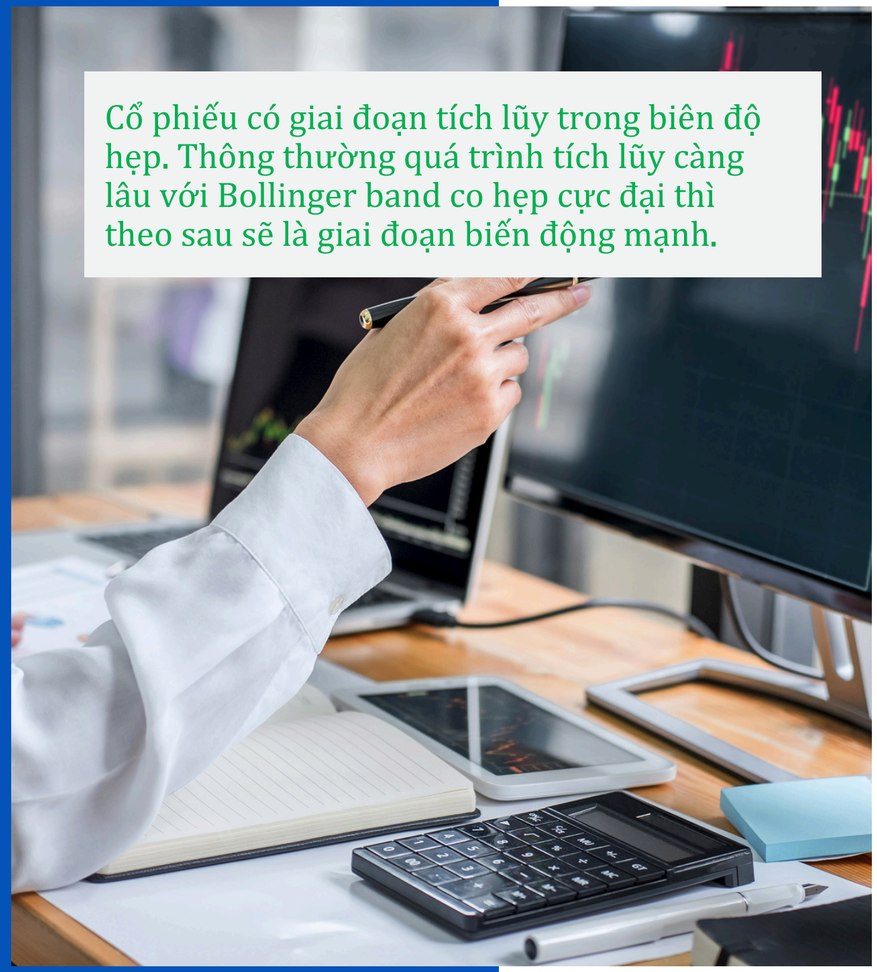

Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	QTP	18/08/2025	13.4	12.9	13.4	3.9	715.340
2	QNS	18/08/2025	48	45.28	49.1	8.4	214.460
3	SAB	18/08/2025	47.15	45.69	50	9.4	1.208.760
4	SJD	18/08/2025	15.35	14.15	15.6	10.2	143.600
5	CST	18/08/2025	15.4	15.1	16.7	10.6	123.500
6	BAF	18/08/2025	35.6	33.2	37.3	12.3	7.132.680
7	NED	18/08/2025	7.2	6.9	7.8	13	140.820
8	BWE	18/08/2025	48.85	46.7	52.8	13.1	247.360
9	BMP	18/08/2025	135.9	133.1	151	13.4	233.640
10	CTF	18/08/2025	21.25	20.65	23.45	13.6	346.400
11	FPT	18/08/2025	100.5	99.25	112.8	13.7	16.155.460
12	IMP	18/08/2025	54.9	48.86	55.7	14	340.620
13	NBC	18/08/2025	9.9	9.12	10.4	14	226.860
14	ABI	18/08/2025	29.8	27.1	30.9	14	117.520
15	CTD	18/08/2025	80.9	77.5	88.5	14.2	1.079.280
16	SCS	18/08/2025	63	60.8	69.5	14.3	429.760
17	VTO	18/08/2025	12.45	12.15	13.9	14.4	1.226.480
18	PPC	18/08/2025	11.2	10.9	12.5	14.7	1.557.780
19	BNA	18/08/2025	7.7	7.4	8.5	14.9	278.440
20	BMC	18/08/2025	17.8	17.37	19.95	14.9	129.140
21	APG	18/08/2025	11.8	11.7	13.45	15	848560

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009